

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Ninh và bà Nguyễn Thị Thương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Triều – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-TCDS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Diệp Minh T, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- Bị đơn: Ông Diệp Minh D, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Diệp Ngọc S, sinh năm 1956; địa chỉ: Số A, khu phố H, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Bà Diệp Thị T1, sinh năm 1952; địa chỉ: Số nhà E L, tiểu khu A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Diệp Minh T, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Ông Diệp Minh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Diệp Minh T, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Diệp Minh T trình bày: Bố ông là Diệp Minh T2, sinh năm 1934 và mẹ ông là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1935 sinh được 05 người con: Gồm Diệp Ngọc S, sinh năm 1956, Diệp Thị T1, sinh năm 1952, Diệp Minh H, sinh năm 1969, Diệp Minh D, sinh năm 1967 và ông Diệp Minh T, sinh năm 1968. Bố mẹ ông có tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²) địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp Từ và ngoài ra không có tài sản gì khác. Bố ông mất năm 2001, mẹ ông mất năm 1968 và không để lại di chúc. Trên thửa đất của bố mẹ ông, ông và vợ là Hoàng Thị D1 đã xây 01 (một) nhà ống, xây vào năm 2015, diện tích sử dụng 65,7m², 01 (một) nhà ba gian, xây vào năm 1993, có diện tích sử dụng 68,5m², 01 (một) nhà bếp, xây vào năm 2015, diện tích sử dụng: 36,5m², mái che có diện tích sử dụng: 57,5m², tường rào cao 1,9m, dài 37m. Nguyên vọng của ông, đề nghị anh em thống nhất cho ông được hưởng một phần tài sản của bố ông là Diệp M Từ và mẹ là Nguyễn Thị T3 để lại gắn phần tài sản trên đất mà vợ chồng ông đã xây dựng nên. Nếu anh em không thống nhất thì ông đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị đơn ông Diệp Minh D trình bày: Bố ông là Diệp Minh T2, sinh năm 1934 và mẹ ông là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1935 sinh được 05 người con: Gồm Diệp Ngọc S, sinh năm 1956, Diệp Thị T1, sinh năm 1952, Diệp Minh H, sinh năm 1969, Diệp Minh T, sinh năm 1968 và ông Diệp Minh D, sinh năm 1967. Bố mẹ ông có tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²) địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp Từ và ngoài ra không có tài sản gì khác. Bố ông mất năm 2001, mẹ ông mất năm 1968 và không để lại di chúc. Trên thửa đất của bố mẹ ông có 01 ngôi nhà cấp 4 mà vợ chồng Diệp Minh T và Hoàng Thị D1 làm nên, nay em là Diệp Minh T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế ông xin nhận phần thừa kế theo pháp luật và nhường lại phần thừa kế của ông được hưởng cho em là Diệp Minh T.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Ngọc S trình bày: Bố ông là Diệp Minh Từ và mẹ ông là Nguyễn Thị T3 có tài sản chung gồm quyền sử dụng đất là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²) địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp T2. Vợ chồng Diệp Minh T và Hoàng Thị D1 có làm nhà kiên cố và xây hàng rào bao quanh ở thửa đất trên.

Hiện nay Diệp Minh T làm đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của bố mẹ ông để lại. Ông có nguyện vọng được hưởng một phần đất ở phía T để xây nhà từ đường cho bố mẹ.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Minh H: Ông đề nghị toà án giải quyết theo pháp luật và ông nhận phần di sản thừa kế và giao cho anh Diệp Ngọc S $\frac{1}{2}$ kỳ phần thừa kế và giao cho em Diệp Minh T $\frac{1}{2}$ kỳ phần thừa kế.

Ý kiến của bà Diệp Thị T1 trình bày tại bản tự khai ngày 04/5/2024: Bố bà là Diệp Minh T2, sinh năm 1934 và mẹ bà là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1935 sinh được 05 người con: Gồm Diệp Ngọc S, sinh năm 1956, Diệp Thị T1, sinh năm 1952, Diệp Minh H, sinh năm 1969, Diệp Minh T, sinh năm 1968 và Diệp Minh D, sinh năm 1967. Bố mẹ bà có tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²) địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp Từ và ngoài ra không có tài sản gì khác. Bố bà mất năm 2001, mẹ mất năm 1968 và không để lại di chúc. Trên thửa đất của bố mẹ bà có 01 ngôi nhà cấp 4 mà vợ chồng Diệp Minh T và Hoàng Thị D1 làm nên, nay em bà là Diệp Minh T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế bà xin nhận phần thừa kế theo pháp luật và nhường lại phần thừa kế của bà được hưởng cho em Diệp Minh T.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị D1 trình bày tại bản tự khai ngày 29/5/2024: Ngày 26/02/2024 chồng bà là ông Diệp Minh T làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế đối với 01 thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²) địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp T2. Năm 1991 bà với anh Diệp Minh T kết hôn và sinh sống trên thửa đất này từ đó đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng đã xây 01 (một) nhà ống, xây vào năm 2015, diện tích sử dụng 65,7m², 01 (một) nhà ba gian, xây vào năm 1993, có diện tích sử dụng 68,5m², 01 (một) nhà bếp, xây vào năm 2015, diện tích sử dụng: 36,5m², mái che có diện tích sử dụng: 57,5m², tường rào cao 1,9m, dài 37m. Khi làm được sự đồng thuận của bố chồng và các anh chị trong gia đình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo quy định pháp luật.

2. Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 649, 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điểm a khoản 1 Điều 100 Luật đất đai

năm 2013; Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Diệp Minh T về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3, chia tài sản chung của cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3 cho 5 người con của hai cụ gồm: Diệp Ngọc S, Diệp Thị T1, Diệp Minh H, Diệp Minh D và Diệp Minh T:

Ông Diệp Minh T được sử dụng diện tích đất 613,9m² (trong đó gồm 140 m² đất ở, 473,9m² đất trồng cây hàng năm khác và có 82,67 m² phải đền cơ quan chức năng đăng ký biến động), trị giá 27.441.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng), trên diện tích đất đã xây gồm: 01 (một) nhà ông, diện tích sử dụng 65,7m², 01 (một) nhà ba gian, có diện tích sử dụng 68,5m², 01 (một) nhà bếp, diện tích sử dụng: 36,5m², mái che có diện tích sử dụng: 57,5m² có tứ cạnh như sau: Phía Tây Bắc giáp thửa đất S1 từ điểm 10 đến điểm 4 có kích thước 25,34m; Phía Đông Bắc giáp một phần thửa 346 và thửa 363 từ điểm 4 đến điểm 7 có kích thước 25,05m; Phía Đông Nam giáp thửa 372 và thửa 373 từ điểm 8 đến điểm 9 có kích thước 28,48m; Phía Tây Nam giáp đường giao thông từ điểm 9 đến điểm 10 có kích thước 22,82m.

Ông Diệp Ngọc S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 234,2m², trong đó: đất ở 60 m², đất trồng cây hàng năm khác 174,2 m² và có 35,43 m² phải đền cơ quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 11.249.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) có tứ cạnh: Phía Tây Bắc giáp thửa đất 345 từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 25,36m; Phía Đông Bắc giáp thửa 338 và một phần thửa 346 từ điểm 2 đến điểm 4 có kích thước 9,24m; Phía Đông Nam giáp thửa đất S2 từ điểm 4 đến điểm 10 có kích thước 25,34m; Phía Tây Nam giáp đường giao thông từ điểm 10 đến điểm 1 có kích thước 9,24m.

Về án phí: Ông Diệp Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Diệp Ngọc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Diệp Minh T khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Diệp Minh D. Ông D cư trú trên địa bàn huyện Q nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tại giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn “*Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*

hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990”. Tại án lệ số 26/AL/2018 ghi rõ: Đối với những trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì từ thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản tính là ngày 10/9/1990.

Cụ Nguyễn Thị T3 chết vào năm 1968 không để lại di chúc, do đó thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990. Ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản cụ T3 ngày 26/2/2024 nên hết thời hiệu khởi kiện.

Cụ Diệp M Từ chết năm 2001 không để lại di chúc. Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản cụ Từ ngày 26/2/2024 nên còn thời hiệu khởi kiện.

Mặt khác các đồng thừa kế của cụ T3 thừa nhận diện tích đất cụ T3 và cụ T2 được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, các đồng thừa kế thống nhất giao toàn bộ diện tích cho cụ T2 quản lý, sử dụng không có người nào khiếu nại, tranh chấp về quyền sử dụng đất của cụ T3 nên toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Diệp T2.

[3] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất: Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thấy: Cụ bà Nguyễn Thị T3 chết năm 1968 không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 1 Luật đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý; tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác... Tài sản có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp khác”. Như vậy, theo Luật đất đai năm 1987 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đất đai không phải di sản thừa kế. Tại điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp lệnh thừa kế có nêu “Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản của công dân chết”.

[4] Về di chúc: Các đồng thừa kế đều thừa nhận cụ Nguyễn Thị T3 chết năm 1968 và cụ D2 Từ chết năm 2001 không để lại di chúc. Các đồng thừa kế của hai cụ đều thừa nhận hai cụ không có con riêng, con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế hai cụ để lại là 01 (một) thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²). Nay là thửa đất số 364 tờ bản đồ số 13 (bản đồ địa chính) có diện tích 848,1m² tăng so với bản đồ giải thửa là 118.1m², địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp Minh T2 (Diệp Từ). Do vậy, theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật.

[5] Về xác định hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế của cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng

thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Theo lời khai của các đồng thừa kế cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3 có 05 (năm) người con, gồm: Diệp Ngọc S, Diệp Thị T1, Diệp Minh H, Diệp Minh D và Diệp Minh T. Như vậy, xác định được những người được hưởng di sản của cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3 ở hàng thừa kế thứ nhất hiện tại là Diệp Ngọc S, Diệp Thị T1, Diệp Minh H, Diệp Minh D và Diệp Minh T, là đúng với quy định các Điều 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự 2015

[6] Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

Trong thời gian chung sống cụ Diệp M Từ và cụ Nguyễn Thị T3 được quyền quản lý, sử dụng di sản thừa kế hai cụ để lại là 01 (một) thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²). Nay là thửa đất số 364 tờ bản đồ số 13, có diện tích 848,1 m² (bản đồ địa chính) tăng so với bản đồ giải thửa là 118.1m², địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp T2 (Diệp Minh Từ). Trong đó đất ở 200m², đất có trị giá 21.200.000 đồng và đất trồng cây lâu năm 530m², đất có trị giá 17.490.000 đồng. Tổng giá trị đất là: 38.690.000 đồng. Đối với tài sản là công trình trên đất gồm: 01 (một) nhà ống xây vào năm 2015, diện tích sử dụng 65,7m² có trị giá 345.844.800 đồng; 01 (một) nhà ba gian, xây vào năm 1993, có diện tích sử dụng 68,5m² có trị giá 292.015.500 đồng; 01 (một) nhà bếp, xây vào năm 2015, diện tích sử dụng 36,5m² có trị giá 83.110.500 đồng; Mái che lợp tôn, sườn khung sắt, trụ bê tông cốt thép có diện tích sử dụng 57,5m² có trị giá 47.610.000 đồng; Tường rào cao 1,9m, dài 37m có trị giá $37 \times 1.030.000 + 0,5 \times 50.000 = 39.035.000$ đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất tranh chấp là: 768.615.839 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười lăm nghìn tám trăm ba mươi chín đồng). Phần tài sản này ông T và bà D1 khẳng định nguồn gốc là do 2 vợ chồng ông bà tạo lập và xây dựng nên. Các ông H, D, ông S và bà T1 đều công nhận. Vì vậy phần tài sản này là tài sản riêng của vợ chồng ông T và bà D3 cần chấp nhận.

Căn cứ vào giá trị di sản của từng người được nhận, căn cứ vào thực tế việc sử dụng tài sản của đương sự hiện tại để phân chia di sản cho phù hợp và tạo điều kiện cho tiếp tục sử dụng tài sản một cách thuận lợi nhất.

Hiện tại ông T đang sinh sống trên căn nhà ông T tạo lập nằm trên phần đất di sản. Nên giao cho ông T phần đất có căn nhà do ông T tạo lập. Ông D, bà T1, ông H nhận phần đất được hưởng và giao lại cho ông T (ông D, bà T1 giao toàn bộ phần di sản thừa kế, ông H giao $\frac{1}{2}$ phần di sản thừa kế mà mình được hưởng cho ông T), ông T đồng ý nhận phần đất được nhường nên cần thiết công nhận sự thỏa thuận giữa ông T với ông D, bà T1 và ông H, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với ông Diệp Ngọc S có nguyện vọng xin nhận phần đất ở phía T để xây nhà từ đường cho bố mẹ, ông H nhận phần đất được hưởng và giao lại $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế của mình cho ông S, ông S đồng ý nhận phần đất ông H nhường, nên cần thiết công nhận sự thỏa thuận giữa ông H với ông S, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông Diệp Minh T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, tại phiên tòa ông T trình bày các đồng thừa kế đã thỏa thuận về chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Diệp Ngọc S có đơn xin Tòa án miễn án phí vì ông thuộc đối tượng người có công. Căn cứ bản sao giấy chứng nhận thương binh có hồ sơ vụ án, xác định thuộc diện người có công; căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí cho ông Diệp Ngọc S. Ông Diệp Minh T chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh thừa kế;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 649, 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100 Luật đất đai năm 2013, Án lệ số 05/2016/AL;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Minh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 10 có diện tích 730 m² (trong đó: Đất ở 200m², đất kinh tế gia đình 150m², đất vườn còn lại 380m²). Nay là thửa đất số 364 tờ bản đồ số 13 (bản đồ địa chính) tăng so với bản đồ giải thửa là 118.1m², địa chỉ: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 689006 ngày cấp 06/5/1992 mang tên Diệp T2 (Diệp Minh T).

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa:

- Ông Diệp Minh T, ông Diệp Minh D và bà Diệp Thị T1 về việc ông Diệp Minh D và bà Diệp Thị T1 nhường phần di sản được hưởng là quyền sử dụng đất cho ông Diệp Minh T.

- Ông Diệp Minh T với ông Diệp Minh H về việc ông Diệp Minh H nhận phần đất được hưởng và giao lại ½ di sản thừa kế của ông cho ông T.

- Ông Diệp Ngọc S với ông Diệp Minh H về việc ông Diệp Minh H nhận phần đất được hưởng và giao lại ½ di sản thừa kế của ông cho ông S.

3. Phân chia di sản thừa kế cho các đương sự:

* Chia cho ông Diệp Minh T được sử dụng diện tích đất 613,9m² (trong đó gồm 140 m² đất ở, 473,9m² đất trồng cây hàng năm khác và có 82,67 m² phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động), trị giá 27.441.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng), sở hữu tài sản trên diện tích đất đã xây gồm: 01 (một) nhà ống, diện tích sử dụng 65,7m², 01 (một) nhà ba gian, có diện tích sử dụng 68,5m², 01 (một) nhà bếp, diện tích sử dụng: 36,5m², mái che có diện tích sử dụng: 57,5m² có tứ cạnh như sau: Phía Tây Bắc giáp thửa đất S1 từ điểm 10 đến điểm 4 có kích thước 25,34m; Phía Đông Bắc giáp một phần thửa 346 và thửa 363 từ điểm 4 đến điểm 7 có kích thước 25,05m; Phía Đông Nam giáp thửa 372 và thửa 373 từ điểm 8 đến điểm 9 có kích thước 28,48m; Phía Tây Nam giáp đường giao thông từ điểm 9 đến điểm 10 có kích thước 22,82m. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo)

* Chia cho ông Diệp Ngọc S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 234,2m², trong đó: đất ở 60 m², đất trồng cây hàng năm khác 174,2 m² và có 35,43 m² phải đến cơ quan chức năng đăng ký biến động) trị giá 11.249.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) có tứ cạnh: Phía Tây Bắc giáp thửa đất 345 từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 25,36m; Phía Đông Bắc giáp thửa 338 và một phần thửa 346 từ điểm 2 đến điểm 4 có kích thước 9,24m; Phía Đông Nam giáp thửa đất S2 từ điểm 4 đến điểm 10 có kích thước 25,34m; Phía Tây Nam giáp đường giao thông từ điểm 10 đến điểm 1 có kích thước 9,24m. (Có sơ đồ tách thửa kèm theo)

4. Về án phí dân sự:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Diệp Ngọc S.
- Ông Diệp Minh T phải chịu 1.372.050 đồng (Một triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003816 ngày 10/4/2024. Ông Diệp Minh T phải nộp tiếp 1.072.050 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2024), bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Hiền Ninh;
- Lưu HS, VP.

Châu Mạnh Cường